

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1886* /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày *16* tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Bình để cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-CP ngày 07/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối giai đoạn 2016-2020 tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐNQ ngày 14/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐNQ ngày 14/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2021;

Xét Tờ trình số 339/TTr-STNMT ngày 29/7/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt thay đổi về quy mô, địa điểm, số lượng dự án trong Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Bình để cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Bình để cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện (*Chi tiết dự án theo phụ lục 1 kèm theo*).

Điều 2. Cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thái Thụy, huyện Tiền Hải, huyện Kiến Xương, huyện Đông Hưng và thành phố Thái Bình đối với các dự án cập nhật quy hoạch sử dụng đất nêu trên (*Chi tiết dự án theo phụ lục 2 kèm theo*).

Điều 3. Cắt giảm dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thái Thụy, huyện Đông Hưng và thành phố Thái Bình do đã cắt giảm quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 (*Chi tiết dự án theo phụ lục 3 kèm theo*).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy, Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải, Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương, Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình:

1. Công bố công khai nội dung thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án trong Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Bình, cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tiền Hải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thận

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC DỰ ÁN CÓ THAY ĐỔI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỶ CUỐI (2016-2020) TỈNH THÁI BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| STT | Loại đất | Dự án đề nghị cập nhật, bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất | | | | Dự án cắt giảm trong quy hoạch sử dụng đất | | | | | |
|-----|------------------------------------|---|---|--------------------------|---------------------------------------|--|--|--|--------------------------|---------------------------------------|---|
| | | Tổng diện tích (ha) | Tên dự án bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất | Diện tích quy hoạch (ha) | Địa điểm thực hiện (thôn, tổ dân phố) | Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn) | Tổng diện tích (ha) | Tên dự án cắt giảm trong quy hoạch sử dụng đất | Diện tích quy hoạch (ha) | Địa điểm thực hiện (thôn, tổ dân phố) | Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn) |
| I | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | 22,22 | | | | | | | | | |
| | | 9,60 | Huyện Thái Thụy | | | | Huyện Thái Thụy | | | | |
| | | | Dự án nhà máy kéo sợi Hải Hà | 9,60 | Thọ Vân | Thụy Quỳnh | Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh | 9,60 | Thọ Vân | Thụy Quỳnh | |
| | | 0,80 | Huyện Tiên Hải | | | | Huyện Tiên Hải | | | | |
| | | | Mở rộng nhà máy nước Đông Trung của Công ty TNHH Tấn Phát (xây dựng hồ trữ nước sạch) | 0,80 | Mỹ Đức | Đông Trung | Dự án Trạm trộn bê tông | 1,70 | Hồng Phong | Tiên Hải | |
| | | 9,60 | Dự án nhà máy may công nghệ cao tại thị trấn Tiên Hải của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Đệ | 9,60 | Hồng Phong | Thị trấn Tiên Hải | Dự án xây dựng nhà máy, máy móc, thiết bị sản xuất nhựa của Công ty TNHH Pha Lê Việt Tiếp | 5,50 | | Tiên Hải | |
| | | | | | | | Dự án mở rộng nhà máy cấp nước sạch tại xã Nam Thanh của Công ty Cổ phần xây dựng và vận tải Sông Hồng | 1,00 | | Nam Thanh | |
| | | | | | | | Giảm quy mô diện tích dự án ứng dụng công nghệ cao làm các chế phẩm vi sinh phục vụ nông nghiệp, chăn nuôi, xử lý môi trường của Công ty Cổ phần vi sinh Michiko | 2,20 | | Tây Lương | |
| | | 2,22 | Huyện Đông Hưng | | | | Huyện Đông Hưng | | | | |
| | | | Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh (Nhà máy nước Đông Hưng 2, diện tích 2,2 ha; công trình thu nước sông và trạm bơm cấp 1, diện tích 0,02 ha) | 2,22 | Thượng Đạt, Phương Cúc | Đông Dương | Đất sản xuất kinh doanh | 2,22 | | Đông Cường | |
| II | Đất thủy lợi | 0,15 | | | | | | | | | |
| | | 0,15 | Huyện Kiến Xương | | | | Huyện Kiến Xương | | | | |
| | | | Xây mới công Gia Mỹ tại K45+300 đê Hữu Trà Lý | 0,15 | | Hồng Thái | Dự án quy hoạch thủy lợi toàn huyện | 0,15 | | | |

| STT | Loại đất | Dự án đề nghị cập nhật, bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất | | | | Dự án cắt giảm trong quy hoạch sử dụng đất | | | | | |
|-----|-------------------------------|---|---|--------------------------|---------------------------------------|--|---------------------|--|--------------------------|---------------------------------------|---|
| | | Tổng diện tích (ha) | Tên dự án bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất | Diện tích quy hoạch (ha) | Địa điểm thực hiện (thôn, tổ dân phố) | Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn) | Tổng diện tích (ha) | Tên dự án cắt giảm trong quy hoạch sử dụng đất | Diện tích quy hoạch (ha) | Địa điểm thực hiện (thôn, tổ dân phố) | Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn) |
| III | Đất cơ sở giáo dục và đào tạo | 4,00 | | | | | | | | | |
| | | 4,00 | Huyện Đông Hưng | | | | Huyện Đông Hưng | | | | |
| | | | Quy hoạch đất giáo dục (Trường trung cấp công nghệ kỹ thuật Thăng Long) | 4,00 | Lộ Vị, thôn Thần Khê | Thăng Long | 4,00 | QH đất giáo dục | 1,20 | | Đông Hợp |
| | | | | | | | | QH đất giáo dục | 1,17 | | Đông Dương |
| | | | | | | | | QH đất giáo dục | 0,73 | | Lô Giang |
| | | | | | | | | QH đất giáo dục | 0,90 | | Đông Kinh |
| IV | Đất ở tại nông thôn | 3,80 | | | | | | | | | |
| | | 3,80 | Thành phố Thái Bình | | | | Thành phố Thái Bình | | | | |
| | | | Quy hoạch khu dân cư (giáp Trường Tiểu học xã và khu dân cư hiện có) gần ngã tư Gia Lễ (tổng diện tích quy hoạch là 5,4 ha, trong đó đã cập nhật 1,6 ha đất ở tại Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 28/10/2019) | 3,80 | Gia Lễ | Đông Mỹ | 3,80 | Quy hoạch khu dân cư thuộc phía Tây đường Long Hưng (lô NO10 và khu tiếp giáp) | 3,00 | Đông Cồn | Đông Hòa |
| | | | | | | | | Quy hoạch đất ở (khu ao chăn nuôi) | 0,80 | Trường Mai | Tân Bình |
| V | Đất giao thông | 2,00 | | | | | | | | | |
| | | 2,00 | Huyện Tiền Hải | | | | 2,00 | Huyện Tiền Hải | | | |
| | | | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường vào khu xử lý rác thải tập trung của huyện | 2,00 | thôn An Chính, thôn Thủ Chính | Nam Chính | 2,00 | Công trình giao thông | 0,6 | | Đông Xuyên |
| | | | | | | | | Công trình giao thông | 0,5 | | Đông Phong |
| | | | | | | | | Công trình giao thông | 0,5 | | Tây Phong |
| | | | | | | | | Công trình giao thông | 0,4 | | Tây Tiến |
| VI | Đất công trình năng lượng | 0,87 | | | | 0,87 | | | | | |
| | | 0,87 | Huyện Kiến Xương | | | | | Huyện Kiến Xương | | | |
| | | | Đường dây và TBA 110kV Kiến Xương 2, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình | 0,87 | | Thị trấn Kiến Xương | 0,87 | Dự án chống quá tải trạm biến áp tiêu thụ huyện Kiến Xương | 0,05 | | |
| | | | | | | | | Cải tạo nâng cấp đường dây 10kV lộ 972-TG Bình Nguyên lên vận hành cấp điện áp 22kV huyện Kiến Xương năm 2017 | 0,02 | | |
| | | | | | | | | Cải tạo nâng cấp đầu nối mạch vòng đường dây 10kV lộ 971 - E11.7 với lộ 972-TG Bình Nguyên huyện Kiến Xương năm 2017 | 0,01 | | |

| STT | Loại đất | Dự án đề nghị cập nhật, bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất | | | | Dự án cắt giảm trong quy hoạch sử dụng đất | | | | |
|-----|----------|---|---|--------------------------|---------------------------------------|--|--|--|--------------------------|---------------------------------------|
| | | Tổng diện tích (ha) | Tên dự án bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất | Diện tích quy hoạch (ha) | Địa điểm thực hiện (thôn, tổ dân phố) | Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn) | Tổng diện tích (ha) | Tên dự án cắt giảm trong quy hoạch sử dụng đất | Diện tích quy hoạch (ha) | Địa điểm thực hiện (thôn, tổ dân phố) |
| | | | | | | | Cải tạo nâng cấp nhánh Vũ Lễ, Vũ Sơn đường dây 971 E11.7 và đấu nối với đường dây 971 TG Bình Nguyên - huyện Kiến Xương năm 2017 | 0,02 | | |
| | | | | | | | Cải tạo nâng cấp đường dây 971 TG Bình Nguyên lên cấp vận hành 22kV - huyện Kiến Xương năm 2017 | 0,01 | | |
| | | | | | | | Xuất tuyến 22kV trạm 110kV Kiến Xương đấu nối với đường dây 971-E11.7 - huyện Kiến Xương năm 2017 | 0,01 | | |
| | | | | | | | Cây TBA chống quá tải lưới điện khu vực các xã: Hồng Tiến, Thanh Tân, Vũ Lễ, Quang Bình, Minh Tân, Nam Cao | 0,02 | | |
| | | | | | | | Cải tạo chống quá tải lưới điện, 4kV khu vực các xã: Quốc Tuấn, Quang Hưng, Vũ Trung | 0,01 | | |
| | | | | | | | Chống quá tải lưới điện 4kV sau tiếp nhận các xã trên địa bàn huyện | 0,10 | | |
| | | | | | | | Cây TBA chống quá tải lưới điện khu vực huyện Kiến Xương | 0,09 | | |
| | | | | | | | Cải tạo đường dây 10kV nhánh Minh Tân- Vũ Bình đấu nối sang đường dây 35kV lộ 375-E11.7 CQT cho lộ 977-E11.7 | 0,02 | | |
| | | | | | | | Cải tạo chuyển lưới 22kV lưới điện huyện Kiến Xương | 0,06 | | |
| | | | | | | | Cây TBA CQT lưới điện khu vực huyện Kiến Xương năm 2017 | 0,09 | | |
| | | | | | | | Cải tạo nâng cấp nhánh Vũ Tây đường dây 971 TG Bình Nguyên, huyện Kiến Xương và đấu nối với nhánh Vũ Đông đường dây 979E11.3 | 0,02 | | |
| | | | | | | | Cây TBA chống quá tải lưới điện khu vực các xã: Vũ Vân, Vũ Thắng, Bình Định và Thị trấn Thanh Nê | 0,02 | | |
| | | | | | | | Xây dựng, tạo mạch vòng | 0,10 | | |
| | | | | | | | Cải tạo lưới 10kV | 0,12 | | |
| | | | | | | | Chống quá tải lưới điện | 0,07 | | |
| | | | | | | | Giảm cường độ phát thải | 0,02 | | |

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC DỰ ÁN CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NĂM 2021 CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 1886 /QĐ-UBND ngày 06 /8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT | Tên dự án bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất | Diện tích quy hoạch (ha) | Địa điểm thực hiện (thôn, tổ dân phố) | Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn) |
|------------|---|--------------------------|---------------------------------------|---|
| I | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | | | |
| 1 | Huyện Thái Thụy | | | |
| 1.1 | Dự án nhà máy kéo sợi Hải Hà | 9,60 | Thọ Vân | Thụy Quỳnh |
| 2 | Huyện Tiền Hải | | | |
| 2.1 | Mở rộng nhà máy nước Đông Trung của Công ty TNHH Tấn Phát (xây dựng hồ trữ nước sạch) | 0,80 | Mỹ Đức | Đông Trung |
| 2.2 | Dự án nhà máy may công nghệ cao tại thị trấn Tiền Hải của Công ty TNHH Tân Đệ | 9,60 | Hồng Phong | Thị trấn Tiền Hải |
| 3 | Huyện Đông Hưng | | | |
| 3.1 | Dự án Nhà máy nước Đông Hưng 2, diện tích 2,2 ha; công trình thu nước sông và trạm bơm cấp 1, diện tích 0,02 ha) | 2,22 | Phương Cúc | Đông Dương |
| II | Đất thủy lợi | | | |
| 1 | Huyện Kiến Xương | | | |
| 1.1 | Cống Gia Mỹ tại K45+300 đê Hữu Trà Lý | 0,15 | | Hồng Thái |
| III | Đất cơ sở giáo dục và đào tạo | | | |
| 1 | Huyện Đông Hưng | | | |
| 1.1 | Quy hoạch đất giáo dục (Trường Trung cấp công nghệ kỹ thuật Thăng Long) | 4,00 | Lộ Vị, Thản Khê | Thăng Long |
| IV | Đất ở tại nông thôn | | | |
| 1 | Thành phố Thái Bình | | | |
| 1.1 | Quy hoạch khu dân cư (giáp Trường Tiểu học xã và khu dân cư hiện có) gần ngã tư Gia Lễ (tổng diện tích quy hoạch là 5,4 ha, trong đó đã cập nhật 1,6 ha đất ở tại Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 28/10/2019) | 3,80 | Gia Lễ | Đông Mỹ |
| V | Đất giao thông | | | |
| 1 | Huyện Tiền Hải | | | |
| 1.1 | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường vào khu xử lý rác thải tập trung của huyện | 2,00 | An Chính, Thù Chính | Nam Chính |
| VI | Đất công trình năng lượng | | | |
| 1 | Huyện Kiến Xương | | | |
| 1.1 | Đường dây và TBA 110kV Kiến Xương 2, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình | 0,87 | | Thị trấn Kiến Xương |

PHỤ LỤC 3: DANH MỤC DỰ ÁN CẮT GIẢM TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 CẤP HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT | Tên dự án cắt giảm trong kế hoạch sử dụng đất | Diện tích quy hoạch (ha) | Địa điểm thực hiện (thôn, tổ dân phố) | Địa điểm thực hiện (xã, phường, thị trấn) |
|------------|---|--------------------------|---------------------------------------|---|
| I | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | | | |
| 1 | Huyện Thái Thụy | | | |
| 1.1 | Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh | 9,60 | Thọ Vân | Thụy Quỳnh |
| II | Đất cơ sở giáo dục và đào tạo | | | |
| 1 | Huyện Đông Hưng | | | |
| 1.1 | Quy hoạch đất giáo dục | 0,25 | | Đông Kinh |
| III | Đất ở tại nông thôn | | | |
| 1 | Thành phố Thái Bình | | | |
| 1.1 | Quy hoạch đất ở (khu ao chăn nuôi) | 0,80 | Trường Mại | Tân Bình |